

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 05 - 7 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

2. Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 02 và ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 348/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà **Huỳnh Thuý L**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm N, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thuý L: Bà **Lê Ngọc N**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 158, đường Hoà Bình, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Dương Thu Đ**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số B, Khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Dương Thu Đ: Ông **Trần Văn V**, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của N đơn là bà Lê Ngọc N trình bày: Bà L cho bà Đ mượn tiền cụ thể: Trong năm 2019 bà L cho bà Đ mượn tiền nhiều lần, không nhớ cho mượn mấy lần và từng lần cho mượn số tiền bao nhiêu, nhưng tổng số tiền bà L cho bà Đ mượn là 930.000.000 đồng, thời hạn trả là 01 năm kể từ ngày mượn tiền. Đến hạn trả nợ nhưng bà Đ không có tiền trả cho bà L và bà Đ tiếp tục hỏi mượn tiền bà L, nhằm tạo điều kiện cho bà Đ làm ăn để có tiền trả nợ cho bà L, nên trong năm 2020 bà L tiếp tục cho bà Đ mượn tiền, cụ thể: Từ ngày 01 đến ngày 10/5/2020, bà L cho bà Đ mượn số tiền 350.000.000 đồng. Ngày 25/7/2020, bà L cho bà Đ mượn số tiền 57.000.000 đồng. Ngày 02/8/2020, bà L cho bà Đ mượn 6.000.000 đồng; tổng cộng là 413.000.000 đồng. Mỗi lần bà L cho bà Đ mượn tiền thì bà Đ đều có viết biên nhận mượn tiền và ký tên.*

Bà L đã hủy các biên nhận mượn tiền theo như bà trình bày nêu trên do bà L và bà Đ đã chốt nợ gồm: “*Tờ cam kết hẹn nợ đề ngày 05/12/2019*”, “*01 tờ giấy thể hiện từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 5 số tiền 350.000.000 đồng*” và “*01 tờ giấy đề ngày 25/7/2020 tổng cộng 1.343.000.000 đồng*”, cụ thể: Ngày 05/12/2019 chốt nợ số tiền 930.000.000 đồng, ngày 02/8/2020 chốt nợ số tiền 63.000.000 đồng, ngày 10/5/2020 chốt nợ số tiền 350.000.000 đồng. Các giấy chốt nợ nêu trên do bà Đ viết, ký tên và lặn tay. Số tiền 1.343.000.000 đồng là tiền bà L cho bà Đ mượn, không phải tiền vay, nên khi bà L cho bà Đ mượn 1.343.000.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất và không có tính lãi suất đối với số tiền này.

Từ khi mượn tiền đến nay bà Đ không trả cho bà L bất cứ khoản tiền nào. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thu Đ trả lại cho bà L tổng số tiền còn nợ là 1.343.000.000 đồng và buộc bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho bà L theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho bà L theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn bà Dương Thu Đ trình bày: Bà Đ không thừa nhận lời trình bày nêu trên của N đơn. Bà Đ xác định từ năm 2019 đến năm 2020 (không nhớ thời gian cụ thể), bà có vay tiền của bà Huỳnh Thuý L, cụ thể: Lần thứ nhất vay 2.000.000 đồng, trả góp 24 ngày, mỗi ngày trả góp 120.000 đồng. Do không có tiền đóng đủ 24 ngày, nên bà L cho bà vay thêm 5.000.000 đồng để trả phần nợ phải đóng 24 ngày đối với số tiền vay 2.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 5.000.000 đồng, bà trả góp mỗi ngày 400.000 đồng và trả góp 24 ngày, nhưng do không có tiền đóng nên bà L tiếp tục cho bà vay 10.000.000 đồng để trả phần nợ phải đóng 24 ngày đối với số tiền vay 5.000.000 đồng, sau đó trả góp 800.000 đồng mỗi ngày. Cứ như vậy đến khi bà nợ bà L 50.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả góp là 5.000.000 đồng. Tất cả những lần vay tiền và đóng tiền lãi cho bà L thì các bên không có làm giấy tờ gì, không có ai chứng kiến. Do thời gian đã lâu và vay tiền của bà L nhiều lần, nên bà không nhớ ngày tháng năm vay tiền và đóng tiền lãi cho bà L. Kể từ lần thứ nhất vay 2.000.000 đồng đến khi nợ số tiền*

50.000.000 đồng thì bà không nhớ đã đóng lãi cho bà L tổng số tiền bao nhiêu và không yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà L.

Bà Đ thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu lặn tay trong “*Tờ cam kết hẹn nợ đề ngày 05/12/2019*”, “*01 tờ giấy thể hiện từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 5 số tiền 350.000.000 đồng*” và “*01 tờ giấy đề ngày 25/7/2020 tổng cộng 1.343.000.000 đồng*” đúng là chữ viết, chữ ký và dấu lặn tay của bà; các giấy tờ này đều do bà tự viết bằng mực đỏ, sau đó bà viết tên Dương Thu Đ và lặn tay. Các giấy tờ nêu trên bà L kêu bà đến nhà bà L và bắt bà viết giấy nhận nợ, khi đó bà không biết chữ, bà L viết giấy rồi cho bà viết theo, bà L đọc cho bà nghe chỉ còn nợ 50.000.000 đồng, chứ không phải nợ 1.343.000.000 đồng. Bà Đ chỉ thừa nhận còn nợ bà L tiền vay là 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L 50.000.000 đồng, không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bản thân bà Đ không có nhà ở, không có tài sản, gia đình bà Đ hoàn cảnh khó khăn, nên bà Đ xác định chỉ có vay trả góp của bà L số tiền 50.000.000 đồng, góp mỗi ngày số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở. N đơn cho rằng trong năm 2019 cho bà Đ mượn số tiền 930.000.000 đồng, bà Đ chưa trả, trong năm 2020 lại tiếp tục cho bà Đ mượn số tiền 413.000.000 đồng là không có cơ sở do bà Đ không có kinh doanh, buôn bán gì mà chỉ làm nghề vá lưới mươn. Mặc dù bà Đ thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu lặn tay trong các biên nhận nợ do N đơn cung cấp là của bà Đ, nhưng bà Đ cho rằng bà bị bà L ép viết và đe dọa đến tính mạng của bà và các con bà nên bà Đ mới viết, ký tên và lặn tay. Hành vi của bà L có dấu hiệu của tội cưỡng đoạt tài sản. Tại phiên tòa ngày 23/02/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra, Công an thành phố B điều tra hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 20/4/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn rút lại đề nghị chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra, Công an thành phố B điều tra hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà L. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liễu đòi bà Đ trả số tiền 1.343.000.000 đồng; bà Đ chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vay 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L về việc yêu cầu bà Dương Thu Đ trả số tiền 1.343.000.000 đồng và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L yêu cầu buộc bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho bà Huỳnh Thuý L theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện

đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: Bà Dương Thu Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến trình bày của Luật sư, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi tH luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Huỳnh Thuý L khởi kiện yêu cầu bà Dương Thu Đ, cư trú tại Số B, Khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trả lại số tiền cho mượn 1.343.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L yêu cầu bà Dương Thu Đ trả cho bà số tiền cho mượn 1.343.000.000 đồng, xét thấy:

[2.1] N đơn xác định năm 2019 bà L cho bà Đ mượn 930.000.000 đồng và năm 2020 bà L tiếp tục cho bà Đ mượn 413.000.000 đồng, tổng cộng bà L cho bà Đ mượn số tiền 1.343.000.000 đồng. Việc bà L cho bà Đ mượn tiền được các bên chốt nợ với nhau gồm các biên nhận: “*Tờ cam kết hẹn nợ đề ngày 05/12/2019*”, “*01 tờ giấy thể hiện từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 5 số tiền 350.000.000 đồng*” và “*01 tờ giấy đề ngày 25/7/2020 tổng cộng 1.343.000.000 đồng*”. Các giấy chốt nợ này đều do bà Đ viết, ký tên và lãn tay.

[2.2] Xét thấy: Tại “*Tờ cam kết hẹn nợ đề ngày 05/12/2019*” thể hiện từ 07/10/2019 (âm lịch) đến ngày 29/11/2019 bà Đ mượn của bà L tổng số tiền 930.000.000 đồng; tại “*01 tờ giấy thể hiện từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 5*” chỉ thể hiện số tiền 350.000.000 đồng và tại “*01 tờ giấy đề ngày 25/7/2020*” thì số tiền bằng số ghi không rõ, nhưng tổng cộng ghi rõ bằng chữ là “*một tỷ ba trăm bốn ba triệu*”. Do đó, có căn cứ xác định biên nhận chốt nợ được thể hiện tại “*01 tờ giấy đề ngày 25/7/2020*” chốt nợ số tiền tổng cộng ghi rõ bằng chữ là “*một tỷ ba trăm bốn ba triệu*”.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Dương Thu Đ thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu lãn tay trong ba biên nhận chốt nợ nêu trên đúng là chữ viết, chữ ký và dấu lãn tay của bà, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Tuy nhiên, bà Đ không thừa nhận có nợ bà L số tiền 1.343.000.000 đồng, bà Đ chỉ thừa nhận có nợ bà L số tiền vay 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L số tiền vay 50.000.000 đồng. Bà Đ cho rằng bà đồng ý viết, ký tên và lãn tay trong ba biên nhận chốt nợ nêu trên với bà L là do bà L bắt bà viết, bà không biết chữ, bà L viết sẵn cho bà viết theo, nếu bà không viết thì bà L đe dọa tính mạng của bà và tính mạng hai con của bà nên bà mới viết, ký tên và lãn tay. Nhưng bà Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà vay của bà L số tiền 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 5.000.000 đồng cũng như việc bà L ép bà Đ viết, ký tên và lãn tay trong ba biên nhận chốt nợ nêu trên giữa bà L và bà Đ, bà Đ cho rằng bà

không biết chữ nhưng viết được ba biên nhận chốt nợ nêu trên là không có căn cứ; trong khi đó phía N đơn không thừa nhận lời trình bày của bà Đ.

[2.4] Tại Biên bản xác minh ngày 22/03/2022, ông Lê Hùng A là Đội trưởng Đội điều tra tổng hợp, Công an thành phố B xác định Công an thành phố B không tiếp nhận đơn tố cáo của bà Đ tố cáo hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà L đối với bà Đ do sự việc đang được Tòa án nhân dân thành phố giải quyết, đồng thời bà Đ không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà L có hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với bà Đ. Do đó, từ sự thừa nhận của bà Đ có viết, ký tên và lấn tay vào ba biên nhận chốt nợ nêu trên giữa bà L và bà Đ, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà Đ trả số tiền cho mượn 1.343.000.000 đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, N đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho N đơn theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm, xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn yêu cầu bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho N đơn theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L về việc yêu cầu bà Dương Thu Đ trả số tiền 1.343.000.000 đồng và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L yêu cầu buộc bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho bà Huỳnh Thuý L theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà Đ trả số tiền cho mượn 1.343.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền vay 50.000.000 đồng như phân tích nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Dương Thu Đ phải chịu tương ứng với phần yêu cầu của bà Huỳnh Thuý L đối với bà Dương Thu Đ được Toà án chấp nhận số tiền 1.343.000.000 đồng, cụ thể:

$$\{36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 543.000.000 \text{ đồng})\} = 52.290.000 \text{ đồng}.$$

Bà Huỳnh Thuý L không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L đối với bà Dương Thu Đ.

Buộc bà Dương Thu Đ có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thuý L tổng số tiền 1.343.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thuý L yêu cầu buộc bà Dương Thu Đ trả lãi suất cho bà Huỳnh Thuý L theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương mỗi tháng là 22.383.000 đồng) kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Dương Thu Đ phải chịu 52.290.000 đồng (Năm mươi hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Thuý L không phải chịu.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Trung